

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1607/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các
cấp ngân sách;
Theo đề nghị của Sở Tài chính (Tờ trình số 328/TTr-STC ngày 27/9/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2024 theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính;
Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ
trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/ *my*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KTTC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Hưng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG THU NSNN	19.495.871	20.029.104	102,7	117,0
A	TỔNG THU NSDP	17.872.631	19.155.712	107,2	121,7
I	Thu NSNN trên địa bàn	9.878.143	8.176.502	82,8	125,7
1	Thu nội địa	8.608.143	7.496.647	87,1	139,7
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.270.000	679.855	53,5	59,4
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		3.980.208		
III	Trợ cấp NSTW	9.617.728	7.713.172	80,2	
IV	Thu kết dư ngân sách		106.164		
V	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên		7.662		
VI	Tạm thu ngân sách nhà nước		9.368		
VII	Thu từ các khoản cho vay của NN		500		
VIII	Thu viện trợ		27		
IX	Các khoản ghi thu trên địa bàn		35.500		
B	TỔNG CHI NSDP	17.882.931	12.474.170	69,8	105,8
I	Chi cân đối NSDP	17.606.530	12.438.670	70,6	106,7
1	Chi đầu tư phát triển	5.085.954	4.887.684	96,1	93,0
2	Chi thường xuyên	12.224.442	7.544.843	61,7	117,8
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.100	547		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
5	Chi trả nợ gốc		800		
6	Chi nộp ngân sách cấp trên		4.796		
7	Dự phòng ngân sách	290.584			
II	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	276.401			
III	Các khoản ghi chi trên địa bàn		35.500		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC				
E	CHI TẠM ỨNG				

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1607 /QĐ-UBND ngày 03 /10/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	9.878.143	8.176.502	82,8	125,7
I	Thu nội địa	8.608.143	7.496.647	87,1	139,7
1	Thu từ khu vực DNNN	815.000	686.228	84,2	100,9
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	120.000	140.523	117,1	112,4
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.092.000	1.481.476	70,8	112,4
4	Thuế thu nhập cá nhân	300.000	356.447	118,8	144,9
5	Thuế bảo vệ môi trường	510.000	188.788	37,0	61,3
6	Lệ phí trước bạ	355.000	293.109	82,6	112,6
7	Thu phí, lệ phí	106.000	80.133	75,6	105,4
8	Các khoản thu về nhà, đất	3.990.000	3.872.962	97,1	
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	-	13		
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	30.000	25.490	85,0	95,6
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	3.720.000	3.660.356	98,4	207,9
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	240.000	166.738	69,5	72,7
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>	-	20.365		
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	30.000	72.287	241,0	419,1
10	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	8.000	8.664	108,3	
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	90.000	47.895	53,2	68,4
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	10.000	25.060	250,6	67,9
13	Thu khác ngân sách	150.000	211.741	141,2	103,6
14	Thu hồi từ cổ phần hoá, thoái vốn, người nghèo trả chậm	30.143	30.143	100,0	
15	Thu tiền sử dụng khu vực biển	2.000	1.191		
II	Thu từ dầu thô	-	-		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.270.000	679.855	53,5	59,4
IV	Thu viện trợ	-	-		
B	THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	8.254.903	7.303.110	88,5	
1	Từ các khoản thu phân chia	2.840.680	2.247.405		
2	Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	5.414.223	5.055.705		



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Biểu số 61/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1607 /QĐ-UBND ngày 03 /10/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DT NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSĐP	17.882.931	12.474.170	69,8	105,8
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	17.606.530	12.438.670	70,6	106,7
I	Chi đầu tư phát triển	5.085.954	4.887.684	96,1	93,0
1	Chi đầu tư cho các dự án	5.085.954	4.887.684	96,1	93,0
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công ích				
II	Chi thường xuyên	12.224.442	7.544.843	61,7	117,8
	<i>Tỷ trọng</i>	69,4	60,7		
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	4.886.141	3.272.174	67,0	120,4
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số KHHGD	932.304	648.228	69,5	122,2
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	35.571	17.329	48,7	78,8
4	Chi sự nghiệp văn hóa TT.TT & DL	163.136	105.329	64,6	108,7
5	Chi SN phát thanh truyền hình	63.951	37.022	57,9	109,8
6	Chi đảm bảo xã hội	2.029.177	1.069.380	52,7	116,8
7	Chi sự nghiệp kinh tế	1.129.015	505.014	44,7	146,0
8	Chi sự nghiệp tài nguyên và môi trường	542.424	107.338	19,8	149,0
9	Chi quản lý hành chính	1.987.939	1.468.826	73,9	117,3
10	Chi trợ giá	15.500	8.800	56,8	103,0
11	Chi khác ngân sách	66.961	14.263	21,3	106,0
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.100	547		
IV	Dự phòng ngân sách	290.584			
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
VI	Chi trả nợ gốc		800		
VII	Chi nộp ngân sách cấp trên		4.796		
B	BỘI CHI NSĐP	71.900			
C	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	276.401			
D	CÁC KHOẢN GHI CHI TRÊN ĐỊA BÀN		35.500		
E	CHI TẠM ỨNG				

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 của UBND tỉnh)

1. Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) 9 tháng ước thực hiện 20.029,1 tỷ đồng, đạt 102,7% dự toán năm, bằng 117% so với cùng kỳ năm 2023.

Tổng thu ngân sách địa phương (NSĐP) 9 tháng ước thực hiện 19.155,7 tỷ đồng, đạt 107,2% dự toán năm, bằng 121,7% so với cùng kỳ năm 2023.

Thực hiện thu ngân sách ở một số lĩnh vực như sau:

- Thu nội địa: 9 tháng ước thực hiện 7.496,6 tỷ đồng, đạt 87,1% dự toán năm, bằng 139,7% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 39% tổng số thu NSĐP.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 9 tháng ước thực hiện 7.713,1 tỷ đồng, đạt 80,2% dự toán năm.

- Thu thuế xuất, nhập khẩu: 9 tháng ước thực hiện 679,8 tỷ đồng, đạt 53,5% dự toán năm, bằng 59,4% so với cùng kỳ năm 2023.

2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

Tổng chi NSĐP 9 tháng ước thực hiện 12.474,1 tỷ đồng, đạt 69,8% dự toán năm, bằng 105,8% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó:

2.1. Chi đầu tư phát triển: ước thực hiện 4.887,6 tỷ đồng, đạt 96,1% dự toán năm, bằng 93% so với cùng kỳ năm 2023.

2.2. Chi tiêu dùng thường xuyên: ước thực hiện 7.544,8 tỷ đồng, đạt 61,7% dự toán năm, bằng 117,8% so với cùng kỳ năm 2023, cụ thể:

Sự nghiệp kinh tế ước thực hiện 505 tỷ đồng, đạt 44,7% dự toán năm; sự nghiệp tài nguyên và môi trường ước thực hiện 107,3 tỷ đồng, đạt 19,8% dự toán năm; sự nghiệp khoa học công nghệ ước thực hiện 17,3 tỷ đồng, đạt 48,7% dự toán năm; chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 3.272,1 tỷ đồng, đạt 67% dự toán năm; chi sự nghiệp văn hoá thể thao du lịch ước thực hiện 105,3 tỷ đồng, đạt 64,6% dự toán năm; sự nghiệp y tế, dân số KHHGD ước thực hiện 648,2 tỷ đồng, đạt 69,5% dự toán năm; chi đảm bảo xã hội ước thực hiện 1.069,3 tỷ đồng, đạt 52,7% dự toán năm; chi quản lý hành chính ước thực hiện 1.468,8 tỷ đồng, đạt 73,9% dự toán năm.